

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM – ST

Ngày 24 - 4 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Kim Dung.

2. Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST – KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/TLST- KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S .

Địa chỉ: THĐ, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng H1 – Chức vụ: Phó giám đốc – Ngân hàng S chi nhánh Vĩnh Phúc (theo Giấy ủy quyền số: 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/07/2023).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Hải N – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, (theo giấy ủy quyền số: 12 ngày 01 tháng 10 năm 2024), (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Đình Đ, sinh năm 1973 và bà Phùng Thị Ng, sinh năm 1973, (có mặt).

Địa chỉ: Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Phùng Trọng Ch, sinh năm 1940, (vắng mặt).
- + Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945, (đã chết ngày 27/9/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Th: Ông Phùng Trọng Ch (Trung), sinh năm 1940, (chồng của bà Th), (vắng mặt).

+ Ông Phùng Đình Đ, sinh năm 1973 và bà Phùng Thị Ng, sinh năm 1973, (có mặt).

+ Ông Phùng Văn H2, sinh năm 1975, (có mặt).

+ Bà Phùng Thị Kiều H3, sinh năm 1980, (có mặt).

Địa chỉ đều tại: Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Trần Hải N trình bày:

- Về khoản vay: Ngày 20/09/2011, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Nay là Ngân hàng S) , chi nhánh Vĩnh Phúc và ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011. Các nội dung chính của Hợp đồng này như sau: Ngân hàng S chấp nhận cho ông Đ, bà Ng vay số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh máy bơm; Thời hạn hạn mức: 12 tháng, tính từ 20/09/2011 đến 20/09/2012; Trả nợ lãi vào ngày 25 (đương lịch) hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ vào ngày 20/9/2012; lãi suất tại thời điểm vay là 23%.

- Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngày 23/9/2011, hộ ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung) đã đồng ý thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình tại Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Nay là Ngân hàng S), chi nhánh Vĩnh Phúc để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà Ng. Hai bên đã cùng nhau ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/9/2011, số công chứng: 580.2011/HĐTC, quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 23/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40, tại địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Đơn xác nhận ông Phùng Văn Trung và Phùng Trọng Ch là một người): Diện tích 511m²; Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng 511m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở lâu dài, đất vườn có thời hạn 10/2043; Mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; đất vườn: 311m².

Ngày 20/9/2011 ông Đ, bà Ng đã được Ngân hàng S giải ngân số tiền là

2.000.000.000đồng theo các nội dung, điều kiện như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52 ngày 20/9/2011 giấy nhận nợ ngày 26/9/2011.

Quá trình thực hiện khoản vay, vợ chồng ông Đ, bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo như thỏa thuận với SHB. Ngân hàng S đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông Đ, bà Ng trả nợ nhưng ông Đ, bà Ng trả được một phần nợ lãi với tổng số tiền là 226.050.500 đồng tính từ khi vay đến ngày 26/3/2012. Kể từ đó đến nay không trả cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào.

Do bên vay vốn không trả nợ và bên thế chấp không trả nợ thay, nên SHB khởi kiện ông Đ, bà Ng cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ra Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng S yêu cầu ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 22/10//2024 tổng cả gốc và lãi là: **8.724.769.593**đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 5.570.663.390 đồng (trong đó lãi trong hạn là 3.870.748.634 đồng, lãi quá hạn 1.699.914.756 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 1.154.106.593 đồng và tiền lãi chậm trả được tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức số: 1109VY52 ngày 20/9/2011; giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 kể từ ngày 23/10/2024 cho đến ngày thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng S xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Ng phải trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, không yêu cầu trả tiền lãi phạt chậm trả. Tính đến ngày xét xử ngày 24/4/2025, vợ chồng ông Đ, bà Ng còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền cả gốc và lãi là: 7.788.438.798 đồng, trong đó số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng; tổng số tiền gốc và lãi là 5.788.438.798 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 470.919.121 đồng, lãi quá hạn là: 5.317.519.677 đồng). Kể từ sau ngày xét xử ngày 25/4/2025 nếu ông Đ, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi là 10%/ năm trên số tiền gốc chậm trả đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng không trả nợ cho Ngân hàng S theo những yêu cầu nêu trên, thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng S là: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40, tại địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số: K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Đơn xác nhận ông Phùng Văn Trung và Phùng Trọng Ch là một người); Diện tích 511 m²; Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng 511 m²; Thời hạn sử dụng: Đất ở lâu dài, đất vườn có thời hạn 10/2043; Mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; đất vườn: 311 m².

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng S.

**** Bị đơn ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:***

Thừa nhận ngày 20/09/2011, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Nay là Ngân hàng S), chi nhánh Vĩnh Phúc cùng vợ chồng ông bà có ký Hợp đồng tín dụng số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011. Số tiền Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông bà là 2.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 26/9/2011; mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh máy bơm; Thời hạn hạn mức: 12 tháng, tính từ 20/09/2011 đến 20/09/2012; Trả nợ lãi vào ngày 25 (dương lịch) hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ vào ngày 20/9/2012; Ngày 26/9/2011 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền 2.000.000.000 đồng; lãi suất vay tại thời điểm vay là: 23%/năm.

- Về tài sản đảm bảo: Ngày 23/9/2011, hộ ông Phùng Trọng Ch, bà Nguyễn Thị Th đã đồng ý thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình tại Ngân hàng S để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của vợ chồng ông bà. Hai bên đã cùng nhau ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 580.2011/HĐTC, quyển số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 23/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và các văn bản, phụ lục bổ sung theo hợp đồng thế chấp. Cụ thể tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40; diện tích 511m²; địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Đơn xác nhận ông Phùng Văn Trung và Phùng Trọng Ch là một người). Ông bà xác nhận tài sản thế chấp là toàn bộ đất và tài sản trên đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi vay tiền đến nay toàn bộ tài sản trên đất vẫn giữ nguyên, chưa được xây dựng hay cải tạo mới gì. Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng; sân gạch; nhà cấp bốn; phần chuồng trại và một số cây cối lâm lộc trên đất và tường bao loan, trụ cổng xây trên đất, các tài sản trên đều do vợ chồng bị đơn làm từ năm 2010 tại vị trí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp.

Bà Nguyễn Thị Th chết năm 2021 gia đình đã làm thủ tục khai tử tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp. Ông Ch và bà Th sinh được 05 người con gồm: Ông Phùng Văn Nghĩa, Phùng Đình Thảo, Phùng Đình Đ, Phùng Văn H2 và Phùng Thị Kiều H3. Theo bị đơn thì việc bà Th chết không ảnh hưởng gì đến Hợp đồng thế chấp tài sản. Vì toàn bộ đất và tài sản trên đất là của ông Ch, bà Th được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất từ lâu. Đây là tài sản chung của bố mẹ trong thời kỳ hôn nhân, nguồn gốc đất ban đầu là của bố mẹ đẻ ông Ch (cụ Phùng Văn Nhạc và Lê Thị Cư) cho vợ chồng ông Ch, bà Th nên việc bà Th chết không ảnh hưởng gì đến Hợp đồng thế chấp tài sản tại Ngân hàng S. Hiện tại ông Ch còn sống và quyền sử dụng đất trên vẫn là tài sản chung của vợ chồng ông Ch, bà Th. Toàn bộ đất và tài sản trên đất vẫn giữ nguyên như tại thời điểm vay tiền và là tài sản thế chấp. Do vậy, Ngân hàng vẫn có quyền sử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng.

Bị đơn thừa nhận, từ thời điểm vay tiền ngày 20/9/2011 đến hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/9/2012 thì Ngân hàng thường xuyên có thông báo và nhân viên Ngân hàng thường xuyên theo định kỳ hàng quý, hàng năm có đến tận nhà yêu cầu bị đơn trả nợ. Những lần nhân viên Ngân hàng đến thì bị đơn thường khát nợ Ngân hàng. Thời gian gần đây nhất trước khi khởi kiện Ngân hàng có thông báo cho ông bà trả nợ vào năm 2024.

Với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về số tiền gốc và tiền lãi đến thời điểm hiện tại như Ngân hàng S trình bày bị đơn đồng ý, bị đơn có ý kiến như sau: Quá trình vay, do công việc kinh doanh của gia đình gặp nhiều khó khăn nên bị đơn chưa trả đúng hạn cho Ngân hàng S được. Bị đơn trả dần số tiền gốc trong thời hạn 10 năm, còn số tiền lãi thì đề nghị Ngân hàng S xem xét cho bị đơn được miễn toàn bộ. Trường hợp bị đơn không trả đúng hạn như đề nghị trên thì đồng ý để Ngân hàng S xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Chung) sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập họp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm:** Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã triệu tập ông Ch nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng ông Ch không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày ông Ch (Trung) hiện tuổi cao, đi lại khó khăn. Mỗi lần Tòa án gửi các văn bản đến cho Ông Ch (Trung) thì ông Ch (Trung) đều biết và trực tiếp là ông Đ, bà Ng là người ký nhận thay ông Ch (Trung)

các văn bản của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Kiều H3 và ông Phùng Văn H2 trình bày:**

Về việc khởi kiện của nguyên đơn ông bà không có ý kiến gì.

Bố mẹ ông bà là ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung), bà Nguyễn Thị Th. Bà Th chết ngày 27/9/2021. Ông Ch và bà Th sinh được 05 người con gồm: Ông Phùng Văn Nghĩa, Phùng Đình Thảo, Phùng Đình Đ, Phùng Văn H2 và Phùng Thị Kiều H3.

Ông bà có được biết vào ngày 20/09/2011, ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng có vay của Ngân hàng S số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40, diện tích 511m²; tại địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung. Thời điểm thế chấp ông bà có ký vào Hợp đồng thế chấp, tại thời điểm thế chấp trong hộ của gia đình gồm có ông Ch, bà Th, bà H3 và ông H2.

Nguồn gốc thửa đất là của ông Ch (Trung), bà Th được nhà nước công nhận QSD đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/1999 cấp cho hộ ông Phùng Văn Trung (Chung). Trên thực tế thửa đất trên là của bố mẹ đẻ ông Ch là (cụ Phùng Văn Nhạc và Lê Thị Cư) cho vợ chồng ông Ch, bà Th từ những năm 1964 - 1965. Sau đó thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 cấp cho hộ ông Phùng Văn Trung (Chung). Ông bà xác định quyền sử dụng đất trên là của bố mẹ công bà nên bố mẹ ông bà có quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất trên. Còn toàn bộ tài sản trên đất hiện nay là do ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng xây dựng lên và thuộc tài sản thế chấp.

Hiện tại ông Đức, bà Ng hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, nên ông bà đề nghị Ngân hàng xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho ông Đ, bà Ng. Còn tiền gốc thì cho trả dần trong thời hạn 10 năm. Nếu ông Đ, bà Ng không trả được đúng hạn như trên thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp, ông bà không có ý kiến gì.

*** Tại bản tự khai ngày 20/01/2025 ông Phùng Văn Nghĩa và ông Phùng Đình Thảo trình bày:**

Bố mẹ các ông là Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung), bà Nguyễn Thị Th. Bà Th chết ngày 27/9/2021, ông Ch, bà Th sinh được 05 người con gồm: ông Phùng Văn Nghĩa, ông Phùng Đình Thảo, ông Phùng Đình Đ, ông Phùng Văn H2 và bà Phùng Thị Kiều H3.

Theo các ông được biết vào ngày 20/09/2011, vợ chồng em trai các ông là ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng có vay của Ngân hàng S số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng. Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40, tại địa chỉ: Tổ dân phố Tiên Sơn, Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP. Các ông xác định quyền sử dụng đất trên là của ông Ch, bà Th nên ông Ch, bà Th có quyền định đoạt đối với tài sản trên. Còn toàn bộ tài sản trên đất hiện nay là do ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng xây dựng lên.

Hiện tại hoàn cảnh kinh tế của ông Đ, bà Ng rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn toàn bộ tiền lãi cho ông Đ, bà Ng. Còn tiền gốc thì cho trả dần. Các ông không liên quan đến khoản vay trên của ông Đ. Do vậy, các ông đề nghị Tòa án không đưa các ông vào tham gia tố tụng trong vụ án và không báo gọi các ông đến Tòa án làm việc.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

** Về giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 318, 319, 323, 342, 343, 344, Điều 355; 715, 716, 717, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 26/9/2011; giấy nhận nợ ngày 20/9/2011 là: 7.788.438.798 đồng, trong đó số tiền gốc là: 2.000.00.000 đồng, tổng số tiền lãi là 5.788.438.798 đồng (tiền lãi trong hạn là 470.919.121 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.317.519.677 đồng).

Trường hợp vợ chồng Đức, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/4/2025 theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của ông Đ và bà Ng đã thế

chấp cho Ngân hàng S để thu hồi nợ. Cụ thể tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40; diện tích 511m² (Đất ở 200m², đất vườn 311m²); địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Phùng Trọng Ch) và tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng và các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất nằm trong giới hạn các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất ngày 23/9/2011. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án).

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo nhưng chưa đủ để trả nợ thì ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng S.

+ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp.

Ngày 20/9/2011 giữa Ngân hàng S với ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng có ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011. Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng trong hoạt động kinh doanh, có giấy phép kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về “Kinh doanh thương mại”. Do ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) khởi kiện ông Đ, bà Ng có địa chỉ tại: Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định của pháp luật thì thời hạn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày hết hạn hợp đồng vay cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 20/09/2011; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày 20/09/2011 đến 20/09/2012. Đến ngày 01/10/2024 Ngân hàng S mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại Tòa các đương sự đều thừa nhận, kể từ bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S thường xuyên thông báo về việc trả nợ gốc và lãi theo thời hạn định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhưng phía bị đơn đều xin Ngân hàng S cho hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi còn nợ. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Bộ luật dân sự thì “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên*”

với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc”. Do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về số tiền lãi và Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi còn nợ theo khế ước nhận nợ ngày 20/9/2011 nên quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[2]. Về việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng:

Vợ chồng ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung), bà Nguyễn Thị Th là chủ tài sản của tài sản đảm bảo cho khoản vay của hộ kinh doanh cá thể Phùng Đình Đ và vợ là bà Phùng Thị Ng tại Ngân hàng S vào năm 2011. Quá trình thực hiện hợp đồng, vào năm 2021 bà Nguyễn Thị Th là bên thế chấp chết. Thấy rằng, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Phùng Trọng Ch (Trung), bà Nguyễn Thị Th và tài sản này được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng nên tài sản này thuộc trường hợp chưa được chia thừa kế. Do đó Tòa án không triệu tập những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ mà chỉ xác định ông Phùng Trọng Trung (Chung) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Th theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Th là ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung) nhưng ông Ch (Trung) vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch (Trung) theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa Ngân hàng S với vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Nghị phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2011. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 01 tháng 10 năm 2024 Ngân hàng S làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2005.

[5]. Về nội dung khởi kiện:

[5.1] Về hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 20/09/2011; giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 giữa Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Nay là Ngân hàng S), chi nhánh Vĩnh Phúc với ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/9/2011; được công chứng số: 580.2011/HĐTC, quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 23/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo Hợp đồng thế chấp của hộ

ông Phùng Trọng Ch (Phùng Văn Trung) tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể ký kết đều đúng thẩm quyền và có đủ năng lực hành vi dân sự; hình thức hợp đồng tuân thủ đúng quy định của pháp luật; mục đích vay vốn để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh máy bơm. Các điều khoản trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đều không có ý kiến gì đối với các văn bản trên. Do vậy, các hợp đồng trên đều hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[5.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Ngân hàng S cho vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng vay tổng số tiền gốc là 2.000.000.000đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng vợ chồng ông Đ, bà Ng không trả được cho Ngân hàng khoản tiền gốc nào. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 20/09/2011; giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 xác định đây là khoản vay có kỳ hạn, có lãi. Do vợ chồng ông Đ, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà Ng phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ tính đến ngày xét xử ngày 24/4/2025 là 2.000.000.000đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5.3]. Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 20/09/2011 và khế ước nhận nợ ngày 26/9/2011; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20/9/2011 đến ngày 20/9/2012; lãi suất là 23%/ năm, lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn và lãi suất phạt trên số tiền lãi chưa thanh toán đúng hạn. Đây là khoản vay có kỳ hạn, có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, số tiền lãi vợ chồng ông Đ, bà Ng đã trả từ ngày vay đến ngày xét xử ngày 24/4/2025 là 226.050.500đồng.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng S yêu cầu ông Đ và bà Ng phải trả nợ cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 22/10/2024 tổng cả gốc và lãi là: 8.724.769.593đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 5.570.663.390 đồng (trong đó lãi trong hạn là 3.870.748.634 đồng, lãi quá hạn 1.699.914.756 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 1.154.106.593 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng S xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Ng phải trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, không yêu cầu trả tiền lãi phạt chậm trả nên Hội đồng không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu trên.

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn và lãi quá hạn của các bên trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ ngày 20/9/2011 đều phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, cần chấp

nhận số tiền lãi như Ngân hàng S đã yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 24/4/2025 tổng số tiền lãi là 5.788.438.789 (trong đó tiền lãi trong hạn là 470.919.121 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.317.519.677 đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng S yêu cầu kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/4/2025 nếu ông Đ, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ, bà Ng phải chịu tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm trên số tiền gốc chưa trả. Thấy rằng, yêu cầu trên của Ngân hàng S phù hợp với Nghị quyết: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.4] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, hộ ông Phùng Trọng Ch (Trung) đã đồng ý thế chấp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40; diện tích 511m²; mục đích sử dụng: Đất ở 200m², đất vườn 311m²; địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Đơn xác nhận ông Phùng Văn Trung và Phùng Trọng Ch là một người).

Qua đo đạc thực tế đất có diện tích là 511,0m² được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1 cụ thể: Cạnh 1-2 = 20,31m; cạnh 2 – 3 = 23,68m; cạnh 3 – 4 = 10,32m; cạnh 4 – 5 = 5,71m; cạnh 5 – 6 = 3,53m; 7 – 8 = 0,74m; 7 – 8 = 0,24m; 8 – 9 = 4,93m; 9 – 10 = 11,61m; 10 – 1 = 9,92m; trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà 02 tầng có tổng diện tích bằng 131,3m² (diện tích tầng 1 bằng 61,3m²; diện tích tầng 2 bằng 70m²); sân gạch có diện tích 53,3m²; nhà cấp 4 lợp mái tôn và công trình phụ có diện tích 80,0m²; phần chuồng trại lợp proximang có diện tích 50,4m² cùng một số cây cối, lâm lộc trên đất. Các tài sản trên đất do vợ chồng ông Đ, bà Ng làm từ năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định toàn bộ đất và tài sản trên đất là tài sản thế chấp.

Qua xác minh tại địa phương được cung cấp như sau: Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40, diện tích 511 m²; địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Phùng Trọng Ch). Nguồn gốc thửa đất được Nhà nước công nhận. Hiện trạng thửa đất phù hợp với diện tích trong GCNQSD đất được cấp, không tranh chấp với các hộ giáp ranh và không chồng lấn ranh giới với đất giao thông.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên

đất ngày 20/9/2011; số công chứng: 580.2011/HĐTC, quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 23/9/2011 tại Văn phòng Công chứng Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể ký hợp đồng, nội dung, thủ tục và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành với các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S về việc Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng S nếu ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo bản án của Tòa án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên của ông Đ và bà Ng đối với Ngân hàng S. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết khoản nợ, thì ông Đ và bà Ng có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tranh chấp trong vụ án này được áp dụng có giá ngạch. Theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể án phí sơ thẩm đối với số tiền 7.788.438.798 đồng cụ thể: $7.788.438.798 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + (3.788.438.798 \text{ đồng} \times 0,1\% = 3.788.438 \text{ đồng (làm tròn 3.788.000 đồng)}) = 115.788.000 \text{ đồng}$.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.788.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ngân hàng S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 15.000.000 đồng của Ngân hàng S. Xác nhận Ngân hàng S đã nộp đủ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 318, 319, 323, 342, 343, 344, Điều 355; 715, 716, 717, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

- Buộc vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1109VY52/HĐTD – HM/2011 ngày 20/9/2011; giấy nhận nợ ngày 26/9/2011 là: **7.788.438.798 đồng**, trong đó số tiền gốc là: 2.000.00.000 đồng, tổng số tiền lãi là 5.788.438.798 đồng (tiền lãi trong hạn là 470.919.121 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.317.519.677 đồng).

Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/4/2025 theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền nợ gốc chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Phùng Đình Đ, bà Phùng Thị Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của ông Đ và bà Ng đã thế chấp cho Ngân hàng S để thu hồi nợ. Cụ thể tài sản thế chấp như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 40; diện tích 511m² (Đất ở 200m², đất vườn 311m²); địa chỉ: Thị trấn TD, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phường HH, thành phố VY, tỉnh VP) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: K955784, do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/8/1999 cho hộ ông Phùng Văn Trung (Phùng Trọng Ch) và tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng và các tài sản, vật kiến trúc gắn liền với đất nằm trong giới hạn các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất ngày 23/9/2011. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án).

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo nhưng chưa đủ để trả nợ thì ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng phải tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng S.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 15.000.000 đồng của Ngân hàng S.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Đình Đ và bà Phùng Thị Ng phải nộp nộp 115.788.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.460.500 đồng, theo biên lai thu tiền số:

0005597 ngày 31/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được miêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Nhung

